VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH
Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt quốc gia.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là cơ quan được giao quản lý tài sản); doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

3. Cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp được giao sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực của xã hội để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải công khai, minh bạch; bảo đảm điều hành giao thông vận tải đường sắt thống nhất, tập trung; bảo đảm hoạt động vận tải đường sắt quốc gia thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác và hiệu quả; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Mục 1
QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 4. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bao gồm cả đất gắn với kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được chia làm hai loại: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu là công trình, hạng mục công trình đường sắt quốc gia hoặc công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa, gồm:

a) Đường sắt quốc gia, cầu, cống, hầm, kè, tường chắn, đường ngang, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt quốc gia và đường bộ;

b) Ga (đường sắt trong ga, đường bộ trong ga phục vụ tác nghiệp chạy tàu, phòng đợi tàu, kho và bãi chứa hàng hóa chuyên chở bằng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu, phòng chỉ huy chạy tàu, phòng đặt thiết bị thông tin tín hiệu, ke ga, mái che ke ga, giao ke, cầu vượt dành cho hành khách trong ga, chòi gác ghi);

c) Đepo (nơi tập kết tàu, bảo dưỡng, sửa chữa tàu, thực hiện các tác nghiệp kỹ thuật khác);

d) Phòng chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia;

đ) Hệ thống cấp, thoát nước; thông tin tín hiệu; cấp điện liên quan trực tiếp đến chạy tàu;

e) Nhà cung cầu, cung đường, cung thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia, nhà đặt các thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia, nhà gác cầu, nhà gác hầm, nhà gác chắn đường ngang.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là công trình, hạng mục công trình đường sắt quốc gia hoặc công trình phụ trợ khác không thuộc tài sản quy định tại khoản 2 Điều này, gồm:

a) Đường bộ trong ga không phục vụ tác nghiệp chạy tàu;

b) Quảng trường ga;

c) Kho, bãi chứa hàng hóa không trực tiếp liên quan đến chạy tàu;

d) Các công trình dịch vụ, thương mại (bán hàng, nghỉ trọ, dịch vụ khác) tại các ga đường sắt quốc gia;

đ) Nhà làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga;

e) Các công trình, hạng mục công trình khác không trực tiếp liên quan đến chạy tàu.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp cần phải điều chỉnh việc phân loại tài sản giữa các nhóm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và ý kiến của Bộ Tài chính.

Điều 5. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và ý kiến của các cơ quan có liên quan;

b) Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này (là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt) quản lý trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư theo quy định;

c) Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ thực tế tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp phải giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan lập Đề án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản trong trường hợp giao cho doanh nghiệp quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm ban hành quy chế phối hợp giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Biên bản rà soát, phân loại danh mục tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản giao quản lý (tên tài sản, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại): 01 bản chính;

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này:

a) Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (đối với tài sản hiện có) hoặc 60 ngày kể từ ngày tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới), Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này phối hợp với cơ quan, tổ chức đang quản lý sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Kinh phí tổ chức, thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này) gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về phương án giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với tài sản thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến của các cơ quan có liên quan) báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định giao quản lý tài sản gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản; danh mục tài sản giao quản lý (tên tài sản, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại); trách nhiệm tổ chức thực hiện;

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan.

2. Việc xác định lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

Mục 2
HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 7. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Điều 27 Nghị định này;

c) Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ về tài sản thuộc phạm vi quản lý;

b) Quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tài sản thuộc phạm vi quản lý và thực hiện chế độ báo cáo Bộ Giao thông vận tải và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hàng năm theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đang sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán; trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá quy ước để xác định giá trị tài sản làm nguyên giá ghi sổ kế toán; giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoàn thành, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá trị ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, quyết toán theo quy định;

c) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị dự toán dự án đã được phê duyệt. Khi có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh giá trị đã hạch toán theo quy định của pháp luật về kế toán;

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong quá trình quản lý, sử dụng được nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì giá trị quyết toán của dự án được kế toán tăng giá trị tài sản.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định chế độ kế toán, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Mục 3
BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 9. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải được bảo trì theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm tuân theo trình tự,

quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

2. Các hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Bảo trì theo chất lượng thực hiện là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chuẩn chất lượng xác định, trong một khoảng thời gian với một số tiền nhất định được quy định tại Hợp đồng kinh tế.

Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xác định mức giá khoán bảo trì cho từng tài sản thuộc phạm vi được giao quản lý, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Mức giá khoán bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được xác định theo phương pháp định mức kinh tế - kỹ thuật của hoạt động bảo trì hoặc phương pháp chi phí bình quân của hoạt động bảo trì 3 năm liền kề trước đó cộng với yếu tố trượt giá (nếu có) hoặc kết hợp hai phương pháp trên.

Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo chất lượng thực hiện;

b) Bảo trì theo khối lượng thực tế:

Bảo trì theo khối lượng thực tế là việc thực hiện hoạt động bảo trì và thanh toán theo khối lượng công việc thực tế thực hiện.

3. Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này đối với từng hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Việc lựa chọn tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan.

Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều này thì việc lựa chọn tổ chức, cá nhân bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong thời gian cho thuê quyền khai thác mà doanh nghiệp thuê quyền khai thác thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký kết;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác mà doanh nghiệp nhận chuyển nhượng thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký kết.

Điều 10. Tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Trình tự, thủ tục lập, giao dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì phối hợp với cơ quan, doanh nghiệp có liên quan lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản (trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Nghị định này), trình Bộ Giao thông vận tải;

b) Bộ Giao thông vận tải xem xét dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo thứ tự ưu tiên; tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước;

c) Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước cho cơ quan được giao quản lý tài sản, trong đó có phần kinh phí dành cho bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

d) Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trung hạn 03 năm và 05 năm thực hiện theo quy định của pháp luật về kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính 05 năm.

Mục 4
KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 11. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản;

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2. Việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải bảo đảm tính đồng bộ trong vận hành, khai thác tài sản, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng liên quan tới hoạt động đường sắt quốc gia.

3. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật có liên quan;

b) Tiền thu từ giá sử dụng, cung cấp dịch vụ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định;

c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

4. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phục vụ mục đích công cộng, không áp dụng các phương thức khai thác tài sản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này thì cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định; không phải lập Đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm

quyền phê duyệt theo quy định tại Mục này. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng, không áp dụng các phương thức khai thác tài sản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này trên cơ sở đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản.

Điều 12. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản trong các trường hợp sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia;

b) Áp dụng phương thức trực tiếp khai thác hiệu quả hơn phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

c) Không có tổ chức đăng ký thực hiện phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư theo quy định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản: 01 bản chính;

b) Đề án khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

c) Bộ Giao thông vận tải có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến của các cơ quan có liên quan) báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

5. Căn cứ Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản theo Đề án được duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là việc Nhà nước chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp thực hiện trong một khoảng thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài

sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư theo quy định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

b) Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan có ý kiến về: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; các nội dung trong Đề án cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

đ) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

e) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến của các cơ quan có liên quan) báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

5. Căn cứ Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc tổ chức đấu giá để lựa chọn doanh nghiệp được thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.

Doanh nghiệp tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện về năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan.

6. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên cho thuê;

b) Thông tin của doanh nghiệp được thuê quyền khai thác tài sản;

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác;

d) Thời hạn cho thuê; giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; phương thức và thời hạn thanh toán; trách nhiệm bảo trì theo Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Quyền của doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

a) Khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết;

b) Quyết định biện pháp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bảo đảm phù hợp với quy định về hoạt động đường sắt quốc gia;

c) Sử dụng, khai thác tài sản thuê theo quy trình kỹ thuật, khai thác các hạng mục công trình, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và tính năng kỹ thuật của tài sản thuê;

d) Được thu tiền theo giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết;

đ) Thực hiện các quyền khác của bên thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

a) Bảo quản tài sản thuê (bao gồm cả đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia); không để thất thoát, để lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng, khai thác tài sản thuê đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn;

c) Thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Hợp đồng ký kết;

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết mà doanh nghiệp chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho thuê; cùng bên cho thuê giải quyết các vướng mắc phát sinh;

e) Giao lại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi hết thời hạn Hợp đồng và các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

g) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Hợp đồng ký kết doanh nghiệp thuê quyền khai thác phải thông báo với cơ quan được giao quản lý tài sản về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động vận tải đường sắt quốc gia được an toàn, thông suốt;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác của bên thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

9. Trong thời hạn thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp doanh nghiệp tự nguyện trả lại tài sản hoặc vi phạm Hợp đồng

hoặc Nhà nước thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, việc xử lý quyền, nghĩa vụ (nếu có) của các bên có liên quan thực hiện theo Hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác trong một khoảng thời gian nhất định gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp để tham gia đấu giá gồm:

a) Năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan;

b) Năng lực về tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được xác định cụ thể cho từng hợp đồng chuyển nhượng nhưng không quá 50 năm.

5. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

b) Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

6. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 5 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung sau: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án trong việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; các nội dung trong Đề án cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ; trên cơ sở đó, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này và ý kiến của các cơ quan có liên quan) báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa phù hợp;

đ) Căn cứ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức đấu giá để lựa chọn doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này và ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

7. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên chuyển nhượng;

b) Thông tin của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng;

c) Danh mục tài sản được chuyển nhượng quyền khai thác;

d) Thời hạn chuyển nhượng; giá chuyển nhượng; phương thức và thời hạn thanh toán; hạng mục công trình đầu tư, nâng cấp và các nội dung cần thiết khác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán tiền chuyển nhượng cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo Hợp đồng. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền chuyển nhượng.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số tiền theo Hợp đồng đã ký kết thì cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng chuyển nhượng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

9. Quyền của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Được sử dụng, kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết;

b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan;

c) Được sử dụng tài sản do doanh nghiệp đầu tư, quyền khai thác tài sản để huy động vốn theo quy định của pháp luật;

d) Được thu phí, giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết;

đ) Được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm.

10. Nghĩa vụ của doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Có trách nhiệm thực hiện đầu tư dự án nhận chuyển nhượng theo quy hoạch, đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện bảo trì đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác tại Hợp đồng đã ký kết;

b) Thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Hợp đồng ký kết;

c) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan được giao quản lý tài sản về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động giao thông vận tải đường sắt quốc gia thông suốt, an toàn;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm các quy định trong Hợp đồng ký kết.

Điều 15. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là khoản tiền doanh nghiệp thuê, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng, khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được xác định như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan trực tiếp đến chạy tàu (trừ tài sản là ga), giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định phù hợp với giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm cho thuê và tương đương với mục đích cho thuê;

c) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại điểm a, điểm b khoản này là giá cho thuê trong trường hợp cho doanh

nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuê hoặc là giá khởi điểm để đấu giá lựa chọn doanh nghiệp thuê quyền khai thác tài sản.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản này.

3. Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được xác định trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm chuyển nhượng theo đánh giá lại, thời gian tính hao mòn tài sản còn lại, giá trị đầu tư bổ sung, doanh thu và chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời hạn chuyển nhượng.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là công trình đường sắt gắn với đất không sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, trong cơ cấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không bao gồm tiền thuê đất.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Điều này.

Điều 16. Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản lập Đề án khai thác quỹ đất, trình Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Nội dung chủ yếu của Đề án khai thác quỹ đất gồm:

a) Căn cứ, sự cần thiết của Đề án;

b) Diện tích đất dự kiến khai thác;

c) Hình thức sử dụng đất;

d) Tổng mức đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

đ) Dự kiến số tiền thu được từ việc khai thác quỹ đất;

e) Các thông tin khác liên quan đến việc khai thác quỹ đất;

g) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được do cơ quan được giao quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác

1. Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định này được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là tiền thu từ giá sử dụng, cung cấp dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định này được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Điều 18. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác;

b) Sở Tài chính (nơi cơ quan quản lý tài sản đóng trụ sở) đối với tài sản do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác.

2. Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khai thác quỹ đất phải được lập dự toán và được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, gồm:

a) Chi phí kiểm kê, xác định giá, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp cho thuê quyền khai thác quy định tại Điều 13 Nghị định này;

b) Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại Điều 14 Nghị định này;

c) Chi phí liên quan đến việc khai thác quỹ đất quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và khai thác quỹ đất được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

4. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản và khai thác quỹ đất đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Mục 5
XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 19. Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Thu hồi tài sản.

2. Điều chuyển tài sản.

3. Bán tài sản.

4. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

5. Thanh lý tài sản.

6. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

b) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;

c) Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

d) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gắn liền với đất trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và ý kiến của các cơ quan có liên quan, trừ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia;

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;

b) Bán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính; danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính; hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản (kèm bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này) báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản;

c) Quyết định thu hồi tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản thu hồi; cơ quan được giao thực hiện Quyết định thu

hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

d) Sau khi có Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao thực hiện Quyết định thu hồi tổ chức việc tiếp nhận tài sản; lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này; tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chờ xử lý.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều này:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản;

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gắn với đất theo quy định của pháp luật đất đai, trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, cơ quan, người có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có ý kiến về phương án thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ lý do thu hồi đất, diện tích đất thu hồi, sự phù hợp của phương án thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các nội dung cần thiết khác.

Điều 21. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý;

b) Tài sản đã được giao quản lý nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc Bộ Giao thông vận tải sang doanh nghiệp quản lý theo phương thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa Bộ Giao thông vận tải với bộ, cơ quan trung ương, địa phương;

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan, doanh nghiệp được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

c) Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan, doanh nghiệp quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

d) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trong đó nêu rõ mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản chính;

đ) Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao;

e) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp với quy định;

c) Quyết định điều chuyển tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản điều chuyển; cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản và cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có); báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này;

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định;

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

Điều 22. Bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 20 Nghị định này nhưng không còn nhu cầu sử dụng;

b) Tài sản đã được giao quản lý nhưng không còn nhu cầu sử dụng và việc khai thác không hiệu quả;

c) Chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo quy hoạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hình thành từ dự án do Thủ tướng quyết định đầu tư theo quy định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gắn với đất không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của các cơ quan có liên quan;

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá.

4. Hồ sơ bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Văn bản đề nghị bán tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Danh mục tài sản đề nghị bán theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trong đó nêu rõ lý do bán, mục đích sử dụng hiện tại): 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cần bán, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán quy định tại khoản 4 Điều này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định bán tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp với quy định;

c) Quyết định bán tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản bán; danh mục tài sản được bán (tên tài sản, số lượng,

nguyên giá, giá trị còn lại); phương thức bán tài sản; quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản; trách nhiệm, thời hạn tổ chức thực hiện;

d) Căn cứ Quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm và tổ chức thực hiện bán tài sản theo quy định;

đ) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, người mua tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo Hợp đồng. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số tiền theo Hợp đồng đã ký kết thì cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của người trúng đấu giá (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản;

e) Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán;

g) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản bán thực hiện kế toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 23. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không sử dụng được theo công năng của tài sản;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ, hủy bỏ được xử lý như sau:

a) Giao cho cơ quan có tài sản thanh lý để sử dụng vào công tác bảo trì đối với tài sản còn sử dụng được: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, giá trị vật liệu, vật tư được giảm trừ trong dự toán, Hợp đồng bảo trì;

b) Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài Bộ Giao thông vận tải theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

c) Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng.

4. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp với quy định. Trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản được xử lý theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải có văn bản đề nghị, gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

c) Quyết định thanh lý tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau đây: Cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý); hình thức thanh lý; hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi theo quy định. Việc bán vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

đ) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thanh lý thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

d) Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

c) Quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

6. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để đảm bảo khôi phục hoạt động chạy tàu an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có) nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công - tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao thực hiện theo quy định của Chính phủ về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

3. Việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, trừ hình thức quy định tại khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư là cơ sở để quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về đầu tư công;

b) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 26. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xử lý;

b) Sở Tài chính (nơi cơ quan được giao quản lý tài sản đóng trụ sở) đối với tài sản do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định xử lý.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ;

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ;

c) Chi phí định giá và thẩm định giá;

d) Chi phí tổ chức bán;

đ) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ bán, thanh lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan chịu trách nhiệm trước

pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao quản lý tài sản hạ tầng đường sắt quốc gia (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức bán, thanh lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

7. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Trường hợp số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản.

Mục 6
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Điều 27. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải báo cáo kê khai và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản gồm:

a) Báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản đang quản lý tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

b) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản phát sinh mới hoặc có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý, tài sản đã kê khai sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản lập báo cáo kê khai tài sản theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Giao thông vận tải ký xác nhận để thực hiện nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý, tài sản đã kê khai.

4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: Hàng năm, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của năm trước và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Hình thức báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản gồm:

a) Báo cáo tình hình quản lý tài sản theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tình hình xử lý tài sản theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hàng năm quy định như sau:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi Bộ Giao thông vận tải trước ngày 28 tháng 02;

b) Bộ Giao thông vận tải tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3;

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là một bộ phận của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng;

3. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì xây dựng, ban hành chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục chi tiết từng loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c) Hướng dẫn xác định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc tích hợp cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này.

Điều 30. Xử lý chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này phối hợp với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Trong thời gian thực hiện việc rà soát, phân loại, lập, phê duyệt phương án giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về tài sản công, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt thông suốt, an toàn.

2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ký; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 3 năm 2018.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia
Mẫu số 02	Báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia
Mẫu số 05	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia
Mẫu số 06	Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đề nghị xử lý
Mẫu số 07	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... về việc.....(1);

Hôm nay, ngày... tháng... năm...., tại....., việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận(2):

STT	**Tên tài sản** (Chi tiết theo từng loại tài sản theo tuyến đường sắt)	**Đơn vị tính**	**Số lượng/ khối lượng**	**Năm đưa vào sử dụng**	**Diện tích đất (m^2)** (2)	**Diện tích sàn sử dụng (m^2)** (3)	**Nguyên giá (nghìn đồng)** (4)	**Giá trị còn lại (nghìn đồng)**	**Tình trạng tài sản** (5)	**Ghi chú**
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng (I + II + ...)									
I	**Tên tuyến đường sắt A**									
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu									
1.1	Đường sắt									
1.2	Ga									
a	Đường sắt trong ga									
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)									
c	Phòng đợi tàu									
	...									
2	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu									
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)									
2.2	Quảng trường ga									
	....									
II	**Tên tuyến đường sắt B**									
	...									

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:..... ....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:..... ....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:..... .....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN	**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

(2) Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

(3) Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

(4) Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 8, cột 9 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

(5) Tình trạng tài sản tại cột 10 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

Mẫu số 02

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

I. Nội dung báo cáo: Báo cáo kê khai lần đầu/Báo cáo kê khai bổ sung

II. Danh mục tài sản báo cáo:

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
I	**Tuyến đường sắt A**										
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu										
1.1	Đường sắt										
1.2	Ga										
a	Đường sắt trong ga										
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
c	Phòng đợi tàu										
	...										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Tài sản kết cấu đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu										
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
2.2	Quảng trường ga										
	...										
II	**Tuyến đường sắt B**										
	...										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Kỳ báo cáo:.....

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
I	**Tuyến đường sắt A**										
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu										
1.1	Đường sắt										
1.2	Ga										
a	Đường sắt trong ga										
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
c	Phòng đợi tàu										
	...										
2	Tài sản kết cấu đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
2.2	Quảng trường ga										
	...										
II	**Tuyến đường sắt B**										
	...										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

....., ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 04

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Kỳ báo cáo:....

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích *(m2)*		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý	Quản lý, sử dụng số tiền *(nghìn đồng)*			Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG														
I	**Tuyến đường sắt A**														
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu														
1.1	Đường sắt														
1.2	Ga														
a	Đường sắt trong ga														
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)														

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích *(m2)*		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý	Quản lý, sử dụng số tiền *(nghìn đồng)*			Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
c	Phòng đợi tàu														
	...														
2	Tài sản kết cấu đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu														
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)														
2.2	Quảng trường ga														
	...														
II	**Tuyến đường sắt B**														
	...														

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

- Hình thức xử lý tài sản tại cột 12 ghi theo các hình thức quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

....., ngày..... tháng..... năm.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*
XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)	(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 05

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

Kỳ báo cáo:...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Thời hạn khai thác	Doanh nghiệp nhận khai thác (theo HĐ ký kết)	Quản lý, sử dụng số tiền (nghìn đồng)			Số tiền được bố trí thực hiện dự án	Ghi chú
				Diện tích đất	Sàn sử dụng					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG													
A	**TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP TỔ CHỨC KHAI THÁC**													
I	**Tuyến đường sắt A**													
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu													
1.1	Đường sắt													
1.2	Ga													
a	Đường sắt trong ga													
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)													
c	Phòng đợi tàu													
	...													
2	Tài sản kết cấu đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu													
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)													

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m^2)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Thời hạn khai thác	Doanh nghiệp nhận khai thác (theo HĐ ký kết)	Quản lý, sử dụng số tiền (nghìn đồng)			Số tiền được bố trí thực hiện dự án	Ghi chú
				Diện tích đất	Sàn sử dụng					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2.2	Quảng trường ga													
	...													
II	**Tuyến đường sắt B**													
	...													
B	**TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC**													
I	**Tuyến đường sắt A**													
	...													
II	**Tuyến đường sắt B**													
	...													
C	**TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC**													
I	**Tuyến đường sắt A**													
	...													
II	**Tuyến đường sắt B**													
	...													

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 5 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 7, cột 8 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

....., ngày..... tháng..... năm .....

XÁC NHẬN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích *(m2)*		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
I	**Tuyến đường sắt A**										
1	Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu										
1.1	Đường sắt										
1.2	Ga										
a	Đường sắt trong ga										
b	Đường bộ trong ga (phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
c	Phòng đợi tàu										
	...										
2	Tài sản kết cấu đường sắt đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích *(m2)*		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.1	Đường bộ trong ga (không phục vụ tác nghiệp chạy tàu)										
2.2	Quảng trường ga										
	...										
II	**Tuyến đường sắt B**										
	...										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trừ diện tích đất tại đường ray và hành lang an toàn đường sắt) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /....-ĐA	*....., ngày... tháng.... năm.....*

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Phương thức khai thác:.....(1)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

- Luật Đường sắt năm 2017;

- Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia(2)

2.1. Phương án khai thác tài sản

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành đường sắt và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: Nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Mỗi Đề án được lập cho 01 phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
(2) Nội dung báo cáo giải trình cho phương thức đề xuất khai thác.